|  |  |
| --- | --- |
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO****————————————————****(Dự thảo)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**———————————————————————————*Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**BỘ QUY TẮC**

**ĐẠO ĐỨC THẨM PHÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-CA ngày ... tháng ... năm 201...*

*của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)*

**Lời nói đầu**

Công ước Quốc tế về Quyền dân sự và Chính trị[[1]](#footnote-1) bảo đảm rằng mọi người đều bình đẳng trước Tòa án; có quyền yêu cầu được xét xử công bằng, công khai bởi một Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị, được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội trong vụ án hình sự hoặc xác định quyền, nghĩa vụ của một người trong vụ việc dân sự.

Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng và bảo vệ; Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp, có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Nhìn lại gần một thế kỷ bền bỉ phấn đấu, trung thành, vững bước dưới lá cờ vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với sự lớn mạnh của đất nước, Tòa án nhân dân luôn nêu cao gương “Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư”, “Gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”, từng bước trưởng thành, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

*Xét thấy,* tầm quan trọng của một Tòa án độc lập, vô tư, có năng lực đặc biệt được nhấn mạnh, là cơ sở không thể thiếu để hình thành một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bởi lẽ toàn bộ các quyền khác xét cho cùng đều phụ thuộc vào việc thực thi công lý một cách đúng đắn.

*Xét thấy,* Thẩm phán là chức danh tư pháp cao quý cùng với thành viên Hội đồng xét xử nhân danh Nhà nước đưa ra phán quyết về một tội phạm hình sự, xác định quyền và nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong vụ việc dân sự, hành chính.

Lịch sử nhân loại cho thấy, niềm tin của nhân dân vào Bộ máy Nhà nước nói chung và cơ quan tư pháp nói riêng quyết định sự tồn vong, phát triển của đất nước. Bởi lẽ đó, dù với tư cách cá nhân hay tập thể, Thẩm phán có trách nhiệm giữ gìn đạo đức, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân xứng đáng với niềm tin của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Nhằm thể hiện các giá trị đạo đức cơ bản là nền tảng của hoạt động xét xử, tư cách đạo đức và hành vi của Thẩm phán;

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân,

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Bộ quy tắc đạo đức Thẩm phán như sau:

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

1. Bộ quy tắc này quy định các chuẩn mực về đạo đức của Thẩm phán và các nguyên tắc ứng xử của Thẩm phán.

2. Bộ quy tắc này áp dụng đối với Thẩm phán công tác tại các Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp cả trong trường hợp chưa được bổ nhiệm lại hoặc đã nghỉ hưu; được áp dụng để đánh giá về phẩm chất đạo đức của những người được tuyển chọn, đề nghị bổ nhiệm làm Thẩm phán và là một trong những căn cứ để xem xét việc khen thưởng, kỷ luật đối với Thẩm phán.

**Điều 2. Yêu cầu chung**

1. Thẩm phán phải là người trung thành với Tổ quốc, gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật; giữ bí mật nhà nước và bí mật công tác theo quy định của pháp luật.

2. Các Thẩm phán phải là những tấm gương về phụng công, thủ pháp, chí công vô tư; liêm chính, độc lập, khách quan, công bằng, tận tụy và chỉ tuân theo pháp luật khi thi hành nhiệm vụ, công vụ.

3. Thẩm phán phải xử sự bản lĩnh, đúng mực, khoan dung, nhân ái, lịch thiệp và thận trọng khi thực hiện nhiệm vụ cũng như trong đời sống cá nhân để gìn giữ sự tin tưởng, tôn trọng của người dân và xã hội đối với Thẩm phán và Tòa án.

4. Thẩm phán không được làm những việc ảnh hưởng tiêu cực đến chức năng cao cả của Thẩm phán - người được giao nhiệm vụ bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Thẩm phán phải không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao kiến thức, trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ.

**Chương II**

**NHỮNG CHUẨN MỰC VỀ ĐẠO ĐỨC CỦA THẨM PHÁN**

**Điều 3. Tính độc lập**

1. Độc lập là giá trị cốt lõi của Thẩm phán và cơ quan tư pháp. Tư pháp độc lập là điều kiện tiên quyết trong Nhà nước pháp quyền, là sự bảo đảm cơ bản cho việc xét xử bình đẳng. Bởi vậy, Thẩm phán phải thể hiện và duy trì sự độc lập từ mọi góc độ cá nhân và thể chế.

2. Thẩm phán phải độc lập với mọi áp lực xã hội, kinh tế, độc lập với các Thẩm phán khác và các cơ quan tư pháp.

3. Trong quá trình giải quyết vụ việc, Thẩm phán tự quyết định trên cơ sở đánh giá của mình về tình tiết sự việc và chỉ tuân pháp luật; không bị ảnh hưởng, không bị thuyết phục, không bị áp lực, không bị đe dọa hoặc can thiệp từ bên ngoài, dù trực tiếp hay gián tiếp ở bất cứ đâu hoặc vì bất cứ lý do gì.

**Điều 4. Sự vô tư, khách quan**

1. Vô tư, khách quan là nghĩa vụ đạo đức tuyệt đối của Thẩm phán. Sự vô tư, khách quan của Thẩm phán là một trong những nhân tố quyết định việc thực hiện tốt nhiệm vụ xét xử, bảo đảm cho công lý được thực thi trong cuộc sống.

2. Thẩm phán phải luôn thể hiện sự vô tư, khách quan; thực hiện nhiệm vụ của mình một cách dũng cảm, không vì lợi ích riêng của cá nhân, không thiên vị bất cứ bên nào trong vụ việc.

3. Thẩm phán phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật, án lệ hoặc lẽ công bằng để giải quyết tất cả các vấn đề của vụ việc.

4. Thẩm phán khi giải quyết vụ việc không được có bất cứ phát biểu hay bình luận nào tại phiên tòa, phiên họp, trước công chúng hoặc truyền thông làm ảnh hưởng tới việc xét xử một cách bình đẳng.

5. Thẩm phán phải từ chối không tham gia tố tụng khi nhận thấy có khả năng mình sẽ giải quyết một cách không vô tư, khách quan theo đánh giá chủ quan hoặc theo quan sát của một người bình thường. Các trường hợp đó có thể bao gồm, nhưng không giới hạn trong các trường hợp sau:

a) Thẩm phán đồng thời là đương sự, người đại diện, người thân thích của đương sự;

b) Thẩm phán đã tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch trong cùng vụ việc đó;

c) Có căn cứ rõ ràng cho rằng Thẩm phán có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ;

d) Những trường hợp khác khi Thẩm phán tự nhận thấy mình có thể đưa ra quyết định không vô tư, khách quan khi giải quyết vụ việc.

6. Thẩm phán phải tự điều chỉnh hành vi cư xử của mình để giảm tối đa các trường hợp không được phân công giải quyết vụ việc do không đủ điều kiện về sự vô tư, khách quan.

**Điều 5. Sự liêm chính**

1. Liêm chính là giá trị đầu tiên hình thành nên phẩm chất, cốt cách của người Thẩm phán; là phẩm chất cốt lõi không thể thiếu của người Thẩm phán.

2. Thẩm phán phải thể hiện sự liêm chính; luôn trong sạch, thẳng thắn, không tham lam; luôn nghĩ, làm, nói những điều đúng với thực tế và chuẩn mực xã hội.

3. Thẩm phán không được sử dụng địa vị Thẩm phán của mình để thúc đẩy lợi ích của mình hoặc của người khác.

4. Thẩm phán không được và không cho phép các thành viên trong gia đình, cán bộ, công chức Tòa án dưới quyền quản lý của mình yêu cầu hoặc chấp nhận bất cứ món quà, khoản thừa kế, khoản vay hay quyền lợi nào khác liên quan đến bất cứ điều gì mà Thẩm phán đã làm hoặc sẽ làm hoặc lờ đi không làm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Thẩm phán.

5. Thẩm phán chỉ có thể nhận món quà lưu niệm, giải thưởng hay khoản tiền phù hợp với sự kiện được tổ chức, với điều kiện món quà, giải thưởng hay khoản tiền đó không bị coi là thể hiện sự thiếu vô tư, khách quan hoặc là một hình thức có thể ảnh hưởng tới quá trình thực hiện nhiệm vụ của Thẩm phán.

6. Thẩm phán có thể nhận sách, tài liệu hoặc kết quả các công trình nghiên cứu về pháp luật.

7. Thẩm phán phải công khai thu nhập cá nhân theo quy định của Ban Chấp hành trung ương Đảng và theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Sự công bằng, bình đẳng**

1. Công bằng là yếu tố căn bản tạo thành đạo đức Thẩm phán; bảo đảm sự đối xử bình đẳng đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân trước Tòa án là điều cốt yếu của việc xây dựng cơ quan tư pháp công bằng.

2. Thẩm phán có trách nhiệm bảo đảm bình đẳng để đạt được sự công bằng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xét xử.

3. Thẩm phán phải nhận thức được tính đa dạng và những khác biệt trong xã hội phát sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau, không giới hạn ở các yếu tố như chủng tộc, mầu da, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc, trình độ văn hóa, tình trạng hôn nhân, xu hướng tình dục, địa vị xã hội và các nguyên nhân khác.

4. Trong quá trình giải quyết vụ việc, Thẩm phán không được và không cho phép các hành vi thể hiện sự phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, địa vị xã hội; không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế của cá nhân, pháp nhân.

5. Thẩm phán phải yêu cầu những người tiến hành tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa không được phép thể hiện bằng lời nói hoặc hành vi, sự thành kiến hoặc thiên vị dựa trên bất cứ lý do không thích đáng nào.

**Điều 7. Sự đúng mực**

1. Sự đúng mực của Thẩm phán là yếu tố quan trọng giúp bảo vệ phẩm cách, niềm tin và sự tôn trọng của công chúng đối với Thẩm phán và cơ quan tư pháp.

2. Trong mọi hoạt động của mình, Thẩm phán không được thể hiện sự thiếu đúng mực và phải luôn hành xử lịch thiệp, thận trọng, phù hợp với phẩm cách của chức danh tư pháp mà mình đảm nhận. Thẩm phán phải chấp nhận mọi sự hạn chế cá nhân để ứng xử văn minh trong mọi hoàn cảnh, ở mọi thời gian, địa điểm.

3. Thẩm phán phải duy trì trật tự và sự tôn nghiêm trong quá trình tố tụng tại Tòa án; luôn thể hiện sự kiên nhẫn, nghiêm trang, khoan dung và nhân ái đối với các bị cáo, đương sự, người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng khác và yêu cầu thái độ tương tự từ các bị cáo, đương sự, người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ việc.

4. Tại phiên họp, phiên tòa hoặc trong các văn bản tố tụng, Thẩm phán phải tránh đưa ra những bình luận gây tổn thương hoặc xúc phạm người khác.

**Điều 8. Sự tận tụy và không chậm trễ**

1. Sự tận tụy là giá trị không thể thiếu của một Thẩm phán, việc giải quyết nhanh nhất các vụ việc sẽ đáp ứng yêu cầu ngăn cản công lý chậm trễ, bởi công lý chậm trễ là công lý bất công.

2. Thẩm phán phải cống hiến hết mình trong việc thực hiện nhiệm vụ tư pháp.

3. Khi xét xử, Thẩm phán phải nỗ lực để không lãng phí thời gian của các bên tại phiên tòa như đương sự, người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng khác trong vụ việc.

4. Thẩm phán phải duy trì và thể hiện sự tận tụy đối với công việc, giải quyết triệt để mọi vấn đề của vụ việc một cách kịp thời trong thời hạn do pháp luật quy định; vận dụng tất cả các phương tiện cần thiết để nâng cao hiệu quả công việc.

**Điều 9. Năng lực và sự chuyên cần**

1. Thẩm phán là người nhân danh Nhà nước đưa ra quyết định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Bởi vậy, Thẩm phán phải là những người hiểu biết sâu sắc về mọi vấn đề của xã hội và áp dụng pháp luật đúng đắn nhất.

Sự học hỏi, rèn luyện làm nên năng lực, sự chuyên nghiệp của người Thẩm phán; năng lực, sự chuyên nghiệp của Thẩm phán là điều kiện quyết định chất lượng công việc của Thẩm phán.

2. Thẩm phán phải thực hiện mọi hoạt động một cách hợp lý để duy trì và củng cố kiến thức, kỹ năng và tính cách cá nhân cần thiết của mình để bồi dưỡng năng lực và sự chuyên nghiệp cá nhân.

3. Thẩm phán phải luôn tự cập nhật thông tin về tình hình phát triển của luật pháp trong nước và luật pháp quốc tế; các vấn đề quan trọng của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.

**Chương III**

**NHỮNG QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA THẨM PHÁN**

**Điều 10. Ứng xử khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Thẩm phán**

1. Những việc Thẩm phán phải làm:

a) Thực hiện việc giải quyết, xét xử các vụ việc được phân công theo đúng quy định của pháp luật tố tụng và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Luôn đúng mực, trung thực, thận trọng, công tâm, khách quan; đảm bảo tính công khai, dân chủ, nghiêm minh trong giải quyết, xét xử các vụ việc; lắng nghe, tôn trọng ý kiến của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng;

c) Giải thích, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật;

d) Tiếp xúc với những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng khi thi hành công vụ tại nơi quy định, bảo đảm tính khách quan, minh bạch, rõ ràng;

đ) Từ chối tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

e) Phát hiện và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

2. Những việc Thẩm phán không được làm:

a) Những điều Đảng viên không được làm;

b) Những việc pháp luật quy định cán bộ, công chức không được làm;

c) Tư vấn cho bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết vụ việc hoặc những việc khác không đúng quy định của pháp luật;

d) Can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết vụ án hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người có trách nhiệm giải quyết vụ án;

đ) Đem hồ sơ vụ án hoặc tài liệu trong hồ sơ vụ án ra khỏi cơ quan, nếu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền;

e) Tiếp bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác trong vụ án mà mình có thẩm quyền giải quyết không đúng nơi quy định;

g) Sách nhiễu, trì hoãn, chậm trễ, gây khó khăn, phiền hà cho người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng;

h) Làm sai lệch hồ sơ, kết quả giải quyết vụ việc; ra quyết định, bản án trái pháp luật; truy ép, gợi ý cho người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trình bày sự việc theo ý muốn chủ quan của mình hoặc của người khác;

i) Tiết lộ bí mật Nhà nước, bí mật công tác của mình và của cán bộ, công chức khác thuộc Tòa án và các ngành khác;

k) Tiết lộ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư của bị can, bị cáo, đương sự và những người tham gia tố tụng khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Điều 11. Ứng xử tại cơ quan, đơn vị**

1. Những việc Thẩm phán phải làm:

a) Đối với Thẩm phán là cán bộ lãnh đạo, quản lý:

a1) Thực hiện đúng quyền hạn, chức trách được giao hoặc được phân công và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình;

a2) Xây dựng, giữ gìn sự đoàn kết, đạo đức và văn hóa công vụ trong cơ quan, đơn vị; nắm bắt và giải quyết kịp thời tâm lý diễn biến tư tưởng tác động tiêu cực trong cán bộ, công chức; tôn trọng và thực hiện quy chế dân chủ của cơ quan, phát huy dân chủ, kinh nghiệm, sáng tạo của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ; bảo vệ danh dự, uy tín của cán bộ, công chức khi có phản ánh, tố cáo không đúng sự thật;

a3) Xây dựng và triển khai tốt việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các quy định khác về cán bộ, công chức và thi hành công vụ;

a4) Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Đối với Thẩm phán là công chức Tòa án:

b1) Chấp hành quyết định của người lãnh đạo, quản lý; thường xuyên chủ động sáng tạo và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

Khi thực hiện quyết định của cấp trên, nếu có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật hoặc không phù hợp với thực tế thì phải báo ngay với người ra quyết định; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo với cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thực hiện quyết định đó gây ra;

b2) Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị;

b3) Ứng xử có văn hóa, tôn trọng, bảo vệ danh dự, uy tín của lãnh đạo và đồng nghiệp; tôn trọng, hợp tác với đồng nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Những việc Thẩm phán không được làm:

a) Đối với Thẩm phán là cán bộ lãnh đạo, quản lý:

a1) Lạm quyền, vượt quyền;

a2) Đùn đẩy trách nhiệm cho người khác;

a3) Trù dập cán bộ, công chức;

a4) Vi phạm quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Đối với Thẩm phán là công chức Tòa án:

b1) Lợi dụng việc góp ý, phê bình làm tổn hại đến danh dự, uy tín của cán bộ lãnh đạo, quản lý và đồng nghiệp;

b2) Vi phạm quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

**Điều 12. Ứng xử với các cơ quan, tổ chức có quan hệ công tác và thông tấn, báo chí**

1. Thẩm phán phát biểu quan điểm của mình thông qua bản án, quyết định. Thẩm phán không được phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ việc khi chưa ban hành bản án, quyết định.

2. Thẩm phán không được cung cấp bản án, quyết định cho các cơ quan, tổ chức có quan hệ công tác và thông tấn, báo chí, trừ thông qua các hình thức công khai bản án, quyết định của Tòa án đã được pháp luật quy định.

3. Thẩm phán chỉ phát ngôn, cung cấp thông tin, tài liệu về xét xử, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng với các cơ quan, tổ chức có liên quan và cơ quan thông tấn, báo chí khi được cấp lãnh đạo có thẩm quyền giao theo đúng quy định của pháp luật.

4. Thẩm phán có thể tham gia phỏng vấn, khảo sát dựa trên kinh nghiệm công tác chuyên môn để phục vụ nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế khi hoạt động này không gây ảnh hưởng đến hoạt động xét xử hoặc thể hiện sự bày tỏ quan điểm về việc giải quyết vụ việc chưa được ban hành bản án, quyết định.

**Điều 13. Ứng xử với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài**

Thẩm phán phải thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị khi quan hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

**Điều 14. Ứng xử tại nơi cư trú**

Tại nơi cư trú, Thẩm phán phải:

1. Tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đến nhân dân;

2. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia sinh hoạt và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ở nơi cư trú, chịu sự giám sát của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân;

3. Không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi cư trú; không tham gia, xúi giục, kích động, bao che các hành vi trái pháp luật.

**Điều 15. Ứng xử tại gia đình**

Trong gia đình, Thẩm phán phải:

1. Tuyên truyền, giáo dục, vận động người thân trong gia đình chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

2. Không được để bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột lợi dụng danh nghĩa của bản thân để vụ lợi cho gia đình và bản thân;

3. Không tổ chức cưới hỏi, ma chay, mừng thọ, sinh nhật, tân gia và các việc khác xa hoa, lãng phí hoặc để vụ lợi;

4. Xây dựng gia đình có văn hóa; thực hiện kế hoạch hóa gia đình; thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân; có nếp sống văn hóa theo phong tục tập quán và truyền thống Việt Nam.

**Điều 16. Ứng xử tại nơi công cộng**

Tại nơi công cộng, Thẩm phán phải:

1. Chấp hành các quy định của pháp luật và quy tắc sinh hoạt nơi công cộng;

2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi khi tham gia các hoạt động xã hội;

3. Không được tiếp tay hoặc bao che cho hành vi vi phạm pháp luật;

4. Kịp thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết các thông tin về những hành vi vi phạm pháp luật.

**Điều 17. Ứng xử đối với các hoạt động bên ngoài nhiệm vụ xét xử**

1. Thẩm phán phải ưu tiên sử dụng quỹ thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ xét xử hơn các hoạt động khác.

2. Thẩm phán được viết báo, viết sách, nghiên cứu khoa học, giảng dạy hoặc các hoạt động có thu nhập khác theo quy định của pháp luật nhưng tổng thu nhập của những hoạt động này không được vượt quá tổng lương và các phụ cấp của Thẩm phán.

3. Thẩm phán có thể thực hiện trợ giúp pháp lý trong những trường hợp không vi phạm các chuẩn mực đạo đức của Thẩm phán quy định tại Chương II Bộ quy tắc này.

**Chương IV**

**KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

**Điều 18. Khen thưởng, kỷ luật**

1. Thẩm phán phải thực hiện tốt các quy định của Bộ quy tắc này mà không phụ thuộc vào bất cứ hình thức khen thưởng nào.

2. Thẩm phán có những hành động giúp việc thực hiện Bộ quy tắc này vượt khỏi phạm vi cá nhân thì được khen thưởng theo quy định.

3. Thẩm phán vi phạm các quy định của Bộ quy tắc này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Thẩm phán vi phạm các quy định của Bộ quy tắc này mà hành vi đó chưa được pháp luật quy định thì bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo và không được đề xuất, xem xét dưới bất kỳ hình thức thi đua, khen thưởng nào.

4. Thẩm phán đã nghỉ hưu theo quy định của pháp luật có trách nhiệm gìn giữ đạo đức Thẩm phán, có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nhưng không áp dụng kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo do vi phạm Bộ quy tắc này.

**Điều 19. Ủy ban Đạo đức Thẩm phán**

1. Ủy ban Đạo đức Thẩm phán tại Tòa án nhân dân tối cao

a) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thành lập Ủy ban Đạo đức Thẩm phán tại Tòa án nhân dân tối cao gồm 05 thành viên theo nhiệm kỳ 05 năm.

b) Ủy ban Đạo đức Thẩm phán tại Tòa án nhân dân tối cao có chức năng tiếp nhận và giải quyết các phản ánh, khiếu nại về việc thực hiện quy tắc đạo đức Thẩm phán của các Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Thẩm phán cao cấp.

2. Ủy ban Đạo đức Thẩm phán tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập Ủy ban Đạo đức Thẩm phán tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm 05 thành viên theo nhiệm kỳ 05 năm.

b) Ủy ban Đạo đức Thẩm phán tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có chức năng tiếp nhận và giải quyết các phản ánh, khiếu nại về việc thực hiện quy tắc đạo đức Thẩm phán của các Thẩm phán trung cấp và Thẩm phán sơ cấp.

3. Ủy ban Đạo đức Thẩm phán ban hành Quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Bộ quy tắc này hoặc đề nghị người có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Thẩm phán vi phạm Bộ quy tắc này theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban Đạo đức Thẩm phán tại Tòa án nhân dân tối cao ban hành thủ tục thực hiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 20. Hiệu lực thi hành**

Bộ quy tắc này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

**Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án các Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc này.

2. Giao Học viện Tòa án, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức nghiên cứu, xây dựng giáo trình về quy tắc đạo đức Thẩm phán; tổ chức tập huấn cho Thẩm phán về Bộ quy tắc này.

3. Giao Cục Kế hoạch-Tài chính, Văn phòng bố trí, đề xuất kinh phí bảo đảm cho việc triển khai thực hiện Bộ quy tắc này.

4. Giao Văn phòng, Tạp chí Tòa án nhân dân, Báo Công lý, Vụ Thi đua-Khen thưởng và các đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Bộ quy tắc này; kịp thời thông tin, biểu dương những Thẩm phán, Tòa án thực hiện tốt Bộ quy tắc này.

5. Giao Vụ Thi đua - Khen thưởng phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức phát động phong trào thi đua “*Gìn giữ đạo đức, phẩm cách người Thẩm phán*”;

6. Giao Vụ Tổ chức - Cán bộ là đơn vị thường trực phối hợp với Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, các đơn vị liên quan theo dõi việc thực hiện, tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Bộ quy tắc này.

————————————

1. Được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua theo Nghị quyết số 2200A (XXI) ngày 16-12-1966; có hiệu lực ngày 23-3-1976; Việt Nam gia nhập ngày 24-9-1982. [↑](#footnote-ref-1)